

Số: /KH-BCĐ

Hòa Bình, ngày tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

Xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Hướng dẫn số 822/BCĐQG-XHHT ngày 30/01/2013 của Ban chỉ đạo Quốc gia xây dựng xã hội học tập về việc triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC;

Căn cứ Kế hoạch 102-KH/TU ngày 05/7/2017 của Tỉnh ủy Hòa Bình tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; tăng cường phân luồng sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn;

Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ ban hành Kế hoạch xây dựng xã hội học tập (XHHT) và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) năm 2021, như sau:

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2020

I. Công tác xây dựng xã hội học tập

1. Kết quả đạt được

1.1. Mục tiêu 1: Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

- Số người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ mức độ 1: 597.951/599.755 người, tỉ lệ 99.7% (vượt 7.7% so với Quyết định 89); biết chữ mức độ 2: 590.594/599.755 người, tỉ lệ 98.46% (vượt 0.46% so với Quyết định 89).

- 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và Xóa mù chữ mức độ 2 (đạt chỉ tiêu Quyết định 89).

1.2. Mục tiêu 2: Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Tin học (trình độ A trở lên): Toàn tỉnh hiện có 100% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm (đạt mục tiêu so với Quyết định 89).

- Ngoại ngữ: Toàn tỉnh hiện có 41.1% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (*trình độ A2*) (vượt 1.1% so với Quyết định 89), 20.7% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (*trình độ B1*) (vượt 0.7% so với Quyết định 89).

1.3. Mục tiêu 3: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn

- *Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện.*

+ Có 100% cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh và cấp huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định (đạt mục tiêu so với Quyết định 89).

+ Có 100% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định (đạt mục tiêu so với Quyết định 89).

+ Có 100% cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc hàng năm (vượt 10% so với Quyết định 89).

- *Đối với cán bộ, công chức cấp xã.*

+ Có 100% cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý điều hành theo vị trí công việc (đạt mục tiêu so với Quyết định 89).

+ Có 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định (vượt 5% so với Quyết định 89).

+ Có 100% công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm (vượt 15% so với Quyết định 89).

- *Đối với lao động nông thôn*

Có 73.4% người lao động nông thôn tham gia học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng (vượt 3.4% so với Quyết định 89/QĐ-TTg).

- *Đối với công nhân lao động*

+ Có 93.8% công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương (vượt 3.8% so với Quyết định 89).

+ Có 40.1% công nhân có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn.

+ Có 95.8% công nhân qua đào tạo nghề (vượt 0.8% so với Quyết định 89/QĐ-TTg).

1.4. Mục tiêu 4. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Năm 2020, với hình thức dạy kỹ năng sống qua môn học, qua các chuyên đề, hoạt động ngoài giờ lên lớp đã thu hút 100% học sinh, sinh viên tham gia (vượt 40% so với Quyết định 89/QĐ-TTg).

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc tự học, tự bồi dưỡng để tự hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong cán bộ, nhân dân còn hạn chế, bản thân người học còn thụ động và chưa tích cực.

- Chất lượng của một số cơ sở giáo dục còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng cao, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

- Nhu cầu người lao động cần được đào tạo, học tập nâng cao trình độ ngày càng cao nhưng điều kiện của GDTX chưa đáp ứng hết nhu cầu; quy mô, cơ sở vật chất nhỏ, thiếu trang thiết bị và kinh phí thực hiện.

- Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở thiết yếu để xây dựng xã hội học tập. Tuy nhiên, hiện nay nhiều Trung tâm học tập cộng đồng chưa có cơ sở độc lập, hiệu quả của một số Trung tâm học tập cộng đồng chưa cao, nội dung hoạt động chưa đa dạng.

- Việc triển khai Kế hoạch “Phát triển đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020” gặp nhiều khó khăn, đặc biệt việc xây dựng chương trình đào tạo từ xa, công tác kiểm định chương trình đào tạo từ xa cấp văn bằng.

II. Công tác phổ cập giáo dục

1. Kết quả đạt được

1.1. Phổ cập mẫu giáo mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Số trẻ em 5 tuổi đến lớp 16.706/16.706 cháu, đạt 100% (giữ vững so với 2019, vượt 5.0% so với yêu cầu Nghị định 20);

- Số trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 16.706/16.706 cháu, đạt 100% (giữ vững so với 2019, vượt 15% so với yêu cầu Nghị định 20).

- Số trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 35/35 cháu, đạt 100%.

- Toàn tỉnh có 151/151 xã, phường, thị trấn và 10 huyện, thành phố đạt chuẩn về PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

1.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 17.208/17.208 em, đạt tỉ lệ 100% (vượt 2.0% so với yêu cầu Nghị định 20, giữ vững so với năm 2019);

- Số học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 15.152/15.543, đạt 97.48% (giảm 0.21% so với 2019, vượt 7.48% so với yêu cầu Nghị định 20). Số còn lại 391 cháu đang học tiểu học, chiếm 2.52%, không có trẻ 11 tuổi bỏ học tiểu học.

- Số người khuyết tật độ tuổi 11 - 14 có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt 374/377, đạt 100%.

Toàn tỉnh có 01/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, chiếm tỷ lệ 0,6%; có 150/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 99.4% (giảm 1 xã so với năm 2019). Có 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 100%. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

1.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Số thanh thiếu niên 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS: 46.428/47.807, đạt tỷ lệ 97.1% (giữ vững so với 2019, vượt 7.1% so với yêu cầu Nghị định 20);

- Số thanh niên, thiếu niên 15 đến 18 tuổi đang học chương trình GDPT, GDTX, GDNN: 42.373, đạt 88.6% (tăng 1.4% so với 2019, vượt 8.6% so với Nghị định 20).

- Số người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt 504/536, đạt 94.03% (vượt 34.03% so với Nghị định 20).

Toàn tỉnh có 151/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD THCS, đạt tỷ lệ 100%; trong đó có 1 xã (xã Hang Kia, huyện Mai Châu) đạt chuẩn mức độ 1 (mức thấp nhất), chiếm 0.6%; có 10 xã đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 6.6% (giảm 11 xã so với năm 2019); có 140 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3, chiếm 99.34% (tăng 8.7% so với năm 2019). Có 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 7/10 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, đạt tỷ lệ 70%. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

1.4. Xóa mù chữ

+ Độ tuổi 15-35 biết chữ mức độ 1: 294.909/295.130 người, tỉ lệ 99.93% còn 221 người mù chữ chiếm 0,07% (tăng 0,01% so với năm 2019); biết chữ mức độ 2: 294.496/295.130 người, tỉ lệ 99,79% còn 634 người mù chữ chiếm 0,21% (giảm 0,02% so với năm 2019).

+ Độ tuổi 15 đến 60 biết chữ mức độ 1: 597.951/599.755 người, tỉ lệ 99.7% (tăng 0.01% so với năm 2019, vượt 9,7% so với yêu cầu Nghị định 20); còn 1804 người mù chữ chiếm 0,3%; biết chữ mức độ 2: 590.594/599.755 người, tỉ lệ 98.46% (tăng 0,25% so với năm 2019, vượt 8,46% so với yêu cầu Nghị định 20) còn 9214 người mù chữ chiếm 1,54%.

- Toàn tỉnh có 151/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Xóa mù chữ, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 1 xã đạt mức độ 1, chiếm 0.66%; có 150 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 2, chiếm 99.44% (giữ vững so với năm 2019). Có 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2, đạt tỷ lệ 100%. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

2. Một số tồn tại, hạn chế

- Hoạt động của một số Ban chỉ đạo xây dựng XHHT&PCGD,XMC chưa thường xuyên, một số ban ngành, đoàn thể chưa chủ động phối hợp tham gia công tác PCGD,XMC theo chức năng, nhiệm vụ được giao, còn giao khoán cho các nhà trường.

- Một số cán bộ, giáo viên làm công tác PCGD,XMC chưa có nhiều kinh nghiệm về công tác điều tra, đăng nhập Hệ thống thông tin quản lý PCGD,XMC dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm, số liệu còn phải rà soát lại nhiều lần.

- Số học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học giảm 0.41% so với 2019, có 01 xã tái không đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (xã Pà Cò, huyện Mai Châu).

- Hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD,XMC hoạt động chưa được ổn định, tốc độ đường truyền còn chậm, số liệu trong hệ thống chưa lô gic.

- Việc huy động học viên ra các lớp xóa mù chữ, lớp giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, lớp bổ túc THCS còn khó khăn. Toàn tỉnh vẫn còn 1804 người mù chữ mức độ 1, chiếm 0,3%; còn 9214 người mù chữ mức độ 2 chiếm 1.54%. Thanh thiếu niên trong độ tuổi 11 - 18 tuổi bỏ học THCS là 4.285/105.303 người, chiếm 4.07% dân số trong độ tuổi.

B. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC NĂM 2021

I. Kế hoạch xây dựng xã hội học tập

1. Mục tiêu

1.1. Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

- 99.7% trở lên người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ mức độ 1 (hoàn thành lớp 3) và 98.3% trở lên người biết chữ mức độ 2 (hoàn thành lớp 5).

- 100% xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thành phố củng cố vững chắc kết quả đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD tiểu học, PCGD trung học cơ sở, xóa mù chữ.

1.2. Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trên 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

- Trên 42% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) và 20% có trình độ bậc 3 (B1).

1.3. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.

- Đối với cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện: 100% được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định. 100% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo,

quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định. 100% cán bộ, công chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc.

- Đối với cán bộ công chức cấp xã: 100% cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý điều hành theo vị trí công việc. 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định. 100% công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm.

- Đối với lao động nông thôn: 74% trở lên lao động nông thôn tham gia học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất tại các trung tâm học tập cộng đồng.

- Đối với công nhân lao động: 94% trở lên số công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ học vấn THPT hoặc tương đương; tăng tỷ lệ lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn lên trên 41%; 96% trở lên số công nhân qua đào tạo nghề.

1.4. Hoàn thiện kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn

Tăng dân tỷ lệ học sinh, sinh viên và người lao động tham gia học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống để xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn. Trong đó phần đầu 100% học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống tại các cơ sở giáo dục.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Đối với Ban chỉ đạo cấp tỉnh và Sở GD&ĐT

- Tiếp tục thông tin tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vai trò và lợi ích của học tập suốt đời góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập năm 2021.

- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng xã hội học tập tại các huyện, thành phố.

- Chỉ đạo tổ chức tốt Tuần lễ học tập suốt đời (tháng 10/2021).

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành viên Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức của ngành quản lý đi học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ đáp ứng các mục tiêu đề ra.

2.2 Đối với Ban chỉ đạo cấp huyện

** Ban chỉ đạo cấp huyện*

- Tham mưu với huyện ủy, thành ủy, UBND huyện, thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo công tác xây dựng xã hội học tập.
- Thông tin tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vai trò và lợi ích của học tập suốt đời góp phần xây dựng xã hội học tập.
- Chỉ đạo công tác tổng điều tra số liệu xã hội học tập tại các địa phương vào thời điểm tháng 8 năm 2021.
- Xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ xây dựng XHHT năm 2021.
- Tổ chức kiểm tra việc triển khai thực Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.
- Tổ chức thực hiện tốt Tuần lễ học tập suốt đời (tháng 10/2021) nhằm tuyên truyền và huy động các nguồn lực cho công tác xây dựng xã hội học tập.
- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng xã hội học tập tại các xã, phường, thị trấn.
- Chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện, thành phố tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động.
- Phối hợp với các khu công nghiệp, khu chế xuất đào tạo nghề cho công nhân và nâng cao trình độ học vấn THPT hoặc tương đương cho công nhân.

** Phòng Giáo dục và Đào tạo*

- Chủ động tham mưu cho UBND cấp huyện triển khai thực hiện Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 29/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.
- Đánh giá thực trạng trình độ tin học, ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phòng GD&ĐT và các trường THCS, Tiểu học, Mầm non để xây dựng kế hoạch cử đi học nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ.
- Rà soát trình độ chuyên môn theo quy định vị trí việc làm, cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập nâng cao trình độ đạt chuẩn, vượt chuẩn; tham gia chế độ bồi dưỡng thường xuyên và các kỳ bồi dưỡng khác của các bậc học.
- Chỉ đạo các trường THCS, Tiểu học, Mầm non, trường TH&THCS dạy học kỹ năng sống cho học sinh.

- Chỉ đạo các Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức các chuyên đề học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất, dạy nghề cho lao động nông thôn và dạy kỹ năng sống cho người lao động tại Trung tâm HTCD.

- Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng xã hội học tập về Sở GD&ĐT theo quy định.

** Các trường học trực thuộc Sở GD&ĐT và các trung tâm GDNN-GDTX*

- Huy động đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường học, trung tâm tham gia học tập nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ, đào tạo đạt chuẩn và vượt chuẩn, tham gia chế độ bồi dưỡng bắt buộc ...

- Tổ chức dạy kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

- Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm GDNN-GDTX tổ chức các lớp dạy nghề, các chuyên đề học tập kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất cho lao động nông thôn.

- Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp - Ngoại ngữ, Tin học, Trung tâm GDTX tỉnh tổ chức các lớp Ứng dụng CNTT; phối hợp tổ chức các lớp ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu người học.

- Báo cáo kết quả cán bộ, giáo viên được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ; học sinh, sinh viên được học kỹ năng sống về phòng GD&ĐT- cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp huyện theo yêu cầu.

3. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định của nhà nước và các nguồn huy động từ xã hội hóa giáo dục cho công tác xây dựng xã hội học tập.

II. Kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

1. Mục tiêu

1.1. Phổ cập mẫu giáo mầm non cho trẻ 5 tuổi

a) Tiêu chuẩn

Huy động 100% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi ra lớp và được học 2 buổi/ngày. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Huy động trên 60% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

b) Điều kiện đạt chuẩn

Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ PGCD mầm non cho trẻ em 5 tuổi đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

151/151 xã, phường, thị trấn và 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi.

1.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

a) Tiêu chuẩn

- Huy động 100% trẻ em ở độ tuổi 6 tuổi vào lớp 1;
- Đạt 97.5% trở lên số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học, số trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi còn lại đang học các lớp tiểu học;
- Huy động trên 60% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

b) Điều kiện đạt chuẩn

Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ PGCD tiểu học đều đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

Phấn đấu 151/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3. 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

1.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

a) Tiêu chuẩn

- Độ tuổi 15-18 có bằng tốt nghiệp THCS đạt tỉ lệ 97.5% trở lên.
- Số thanh niên, thiếu niên 15 đến 18 tuổi đang học chương trình GDPT, GDTX, GDNN, đạt trên 89.0%.
- Huy động trên 60% người khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục.

b) Điều kiện đạt chuẩn

Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ PGCD trung học cơ sở đều đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

- Phấn đấu có 145/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3; có 5/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 2; có 1/151 xã đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1.
- 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2; 8/10 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD Trung học cơ sở mức độ 3. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2.

1.4. Xóa mù chữ

a) Tiêu chuẩn

- Huy động 02 lớp với 71 học viên học các lớp XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ tại xã Pà Cò huyện Mai Châu.

- 99,94% người trong độ tuổi 15 – 35 biết chữ mức độ 1 (hoàn thành lớp 3) và 99.8% biết chữ mức độ 2 (hoàn thành lớp 5).

- 99.75% trở lên người trong độ tuổi 15 – 60 biết chữ mức độ 1 và 98.5% trở lên người biết chữ mức độ 2.

b) Điều kiện đạt chuẩn

Về người dạy và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Xóa mù chữ đều đạt theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) Số đơn vị đạt chuẩn

Phần đầu 150/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 1/151 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1. 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỉnh Hòa Bình đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, qua các hội nghị để cán bộ và nhân dân hiểu đúng về ý nghĩa, tầm quan trọng và trách nhiệm trong việc thực hiện PCGD, XMC.

- Huy động học sinh mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

- Phòng GD&ĐT và các trường học cơ quan thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT và PCGD chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban thư ký xây dựng XHHT và PCGD, đặc biệt đối với huyện và các xã, phường, thị trấn sau khi sáp nhập.

- Các cấp, các ban, ngành thành viên Ban chỉ đạo xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác PCGD, XMC theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị dạy học tại các trường học nhằm đảm bảo các điều kiện đạt chuẩn PCGD, XMC.

- Tổ chức các Hội nghị tập huấn triển khai, hướng dẫn về công tác PCGD, XMC.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo các chuyên đề, tổ chức dự giờ thăm lớp, áp dụng hình thức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, tổ chức sinh hoạt truyền thống; nâng cao chất lượng bài soạn, sử dụng đồ dùng, thí nghiệm, đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt phương pháp dạy học xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ phù hợp với từng nhóm độ tuổi người học góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

- Các Trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX cung cấp danh sách học sinh đang học và danh sách học sinh tốt nghiệp cho các phòng GD&ĐT phục vụ công tác điều tra, thống kê biểu mẫu PCGD, XMC.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương huy động các đối tượng mù chữ, có nguy cơ tái mù chữ, các đối tượng bỏ học THCS ra học các lớp bổ túc.

- củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các trung tâm GDTX, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, tạo cơ hội cho các đối tượng học phổ cập và củng cố kết quả biết chữ.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tạo phong trào toàn dân chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, trong đó có phổ cập giáo dục. Tập trung các nguồn lực (ngân sách, cơ sở vật chất, đội ngũ) cho PCGD, XMC.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, Xóa mù chữ năm 2021.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác PCGD, XMC.

- Tổng điều tra PCGD, XMC vào tháng 8/2021; tiến hành đăng nhập chính xác số liệu vào Hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC đảm bảo thời gian quy định.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá PCGD, XMC của xã, phường, thị trấn và huyện, thành phố, đề nghị UBND tỉnh công nhận các huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD, XMC thời điểm tháng 11 năm 2021.

3. Kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định của nhà nước và các nguồn huy động từ xã hội hóa giáo dục cho công tác PCGD, XMC.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021, đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo xây dựng XHHT và PCGD, XMC tỉnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thành viên BCD XDXHHT&PCGD tỉnh;
- Ban chỉ đạo XDXHHT&PCGD huyện, TP;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng CN, CM của Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các TTGDNN-GDTX, TTGDTX;
- Website ngành;
- Lưu VT, GDTX&GDCN, (HK5b).

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Bùi Thị Kim Tuyền**